TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 632/2023/HC-PT
Ngày 31 tháng 7 năm 2023.
V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính và Hành vi hành chính.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 271/2023/TLPT-HC ngày 19 tháng 01 năm 2023 về việc "Khiếu kiện Quyết định hành chính và Hành vi hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2213/2022/HC-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1673/2023/QĐPT-HC ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 36/304 Lê L, phường Bến N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Số 60 đường số 8, khu phố 3, phường Trường T, Thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người bị kiện:

1/. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố T.

2/. Uỷ ban nhân dân Thành phố T.

Cùng địa chỉ: Số 168 Trương Văn B, phường Thạnh Mỹ L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng T – Chủ tịch (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị D, sinh năm: 1964 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 105 Dân C, khu phố 2, phường Bình T1, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Trần Văn Q.

NỘI D VỤ ÁN:

- Người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hiện nay, ông Trần Văn Q đang làm thủ tục đề nghị cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 1048/GP-MB do Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đức cấp ngày 21/11/1992, cấp cho cá nhân mang tên ông Trần Văn Q.

Tuy nhiên, ngày 17/10/2019 Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức có văn bản số 4537/UBND – TNMT về việc "Không có cơ sở xem xét giải quyết đơn ông Trần Văn Q yêu cầu đứng tên một mình trên giấy chứng nhận". Sau đó ông Q có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức (nay là Thành phố T) về việc yêu cầu hủy văn bản số 4537/UBND – TNMT ngày 17/10/2019.

Tiếp theo, ngày 05/5/2021 Ủy ban nhân dân Thành phố T ban hành văn bản số 2123/UBND – TNMT về việc trả lời khiếu nại của ông Q là không đồng ý hủy văn bản nêu trên.

Nhà đất số 105 đường Dân Chủ, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức (nay là Thành phố T) do ông Q nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị Tuyết theo Giấy phép công nhận quyền sở hữu số 1048 ngày 21/11/1991 do Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đức cấp. Đây là tài sản riêng của ông Trần Văn Q trước thời kỳ hôn nhân.

Nay ông Q yêu cầu Ủy ban nhân dân Thành phố T cấp đổi lại Giấy chứng nhận cho ông Q. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân Thành phố T từ chối sự việc trên.

Xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn Q bị ảnh hưởng. Căn cứ Điều 43, 44 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Nay người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết:

- Hủy văn bản số 4537/UBND-TNMT ngày 17/10/2019;

- Hủy văn bản số 2123/UBND-TNMT ngày 05/5/2021;

- Tuyên bố hành vi hành chính không cấp đổi lại Giấy chứng nhận là trái quy định pháp luật. Đồng thời buộc Ủy ban nhân dân Thành phố T thực hiện hành vi cấp đổi lại Giấy chứng nhận cho ông Trần Văn Q theo quy định pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố T trình bày:

Ngày 10/12/2018, ông (bà) Trần văn Q - Trần Thị D có nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 105 Dân Chủ, Khu phố 2, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức (nay là Thành phố T).

Căn cứ vào xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Bình Thọ, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận Thủ Đức (nay là Thành phố T) và Phòng Tài nguyên & Môi trường quận đã đã xác nhận trường hợp ông Q, bà D đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận. Ngày 05/4/2019, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Thủ Đức (nay là Thành phố T) đã có Phiếu chuyển gửi Chi cục Thuế quận Thủ Đức để xác định nghĩa vụ tài chính đối với nhà đất nêu trên.

Đến ngày 19/8/2019, ông Trần Văn Q có đơn đề nghị hoãn việc cấp Giấy chứng nhận. Ngày 17/10/2019, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức có Văn bản số 4537/UBND-TNMT về việc xử lý đơn của ông Q.

Ngày 30/10/2019, Chi cục Thuế quận Thủ Đức có Văn bản số 32751/CCT-TB về việc chuyển trả hồ sơ tạm ngưng thực hiện nghĩa vụ tài chính của ông Trần Văn Q, bà Trần Thị D.

Ngày 01/11/2019, ông Trần Văn Q nộp đơn kiến nghị việc cấp Giấy chứng nhận chủ quyền căn nhà số 105 Dân Chủ, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức không đúng đối tượng.

Ngày 05/12/2019, ông Q, bà D nộp đơn đề nghị rút hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên.

Ngày 06/12/2019, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức có Văn bản số 5396/UBND-TNMT thông báo chấm dứt giải quyết đơn của ông Trần Văn Q do ông Q nộp đơn đề nghị rút nội D đơn đề ngày 01/11/2019 nêu trên.

Ngày 17/02/2021, ông Trần Văn Q có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân Thành phố T đề nghị hủy Văn bản số 4537/UBND-TNMT ngày 17/10/2019 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức và Văn bản số 4236/CNTĐ ngày 15/10/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Thủ Đức (nay là Thành phố T).

Ngày 05/5/2021, Ủy ban nhân dân Thành phố T có Văn bản số 2123/UBND-TNMT trả lời đơn cho ông Trần Văn Q.

Căn cứ quy định tại Điều 34 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013 trường hợp ông Q đề nghị đứng tên một mình trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thì cần phải có thỏa thuận với bà Trần Thị D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D trình bày: Trước đây ông Q đã đồng ý xác lập căn nhà số 105 Dân Chủ làm tài sản chung của ông, bà. Ông Q và bà đã cùng ký tên vay, thế chấp căn nhà nói trên vào các khoản vay của gia đình vào năm 2005, xóa thế chấp ngày 14/6/2008. Hiện tại

toàn bộ căn nhà 01 trệt, 01 lầu là tài sản gắn liền với đất của nhà số 105 Dân Chủ hoàn toàn là công sức của bà, do bà mà có.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2213/2022/HC-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 60, 116, 157, 158, Điều 193 và 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q về việc:

+ Hủy văn bản số 4537/UBND-TNMT ngày 17/10/2019 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức (nay là Thành phố T).

+ Hủy văn bản số 2123/UBND-TNMT ngày 05/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T.

+ Tuyên bố hành vi hành chính không cấp đổi lại Giấy chứng nhận là trái pháp luật đồng thời buộc Ủy ban nhân dân Thành phố T thực hiện hành vi cấp đổi lại Giấy chứng nhận cho cá nhân ông Trần Văn Q.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2023, ông Trần Văn Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn N trình bày: Văn bản số 4537/UBND-TNMT ngày 17/10/2019 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức (nay là Thành phố T) do Phó Chủ tịch ký là trái thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Nhà đất số 105 đường Dân Chủ, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức (nay là Thành phố T) khi nâng cấp xây dựng thì bà D có đóng góp một phần. Nhưng tai sản này có nguồn gốc do ông Q nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị Tuyết theo Giấy phép công nhận quyền sở hữu số 1048 ngày 21/11/1991 do Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đức cấp, là tài sản riêng của ông Trần Văn Q trước thời kỳ hôn nhân nên Ủy ban nhân dân Thành phố T không cấp đổi lại Giấy chứng nhận cho ông Q là trái pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội D: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Q là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, ông Q kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của người khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng những người này đã có văn bản xin xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2] Về nội D:

[2.1] Nguồn gốc căn nhà 43/17B Ấp 9, thị trấn Thủ Đức, huyện Thủ Đức (số mới 105, khu phố 2, Dân Chủ, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức) do ông Trần Văn Q mua của bà Lê Thị Bạch Tuyết vào năm 1992. Loại nhà: Trệt, bán kiên cố.

[2.2] Ngày 23/11/1999, ông Trần Văn Q đăng ký kết hôn với bà Trần Thị D. Ngày 04/8/2008, bà Trần Thị D (đại diện ủy quyền cho ông Q) được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức (nay là Thành phố T) cấp Giấy phép xây dựng công trình kiên cố với hiện trạng nhà ở: Nền gạch, cột - khung - sàn BTCT, tường gạch, mái tôn, gồm 02 tầng.

Tại Giấy cam kết ngày 13/9/2018, ông Trần Văn Q trình bày: "... *Nguyên vào tháng 8/2008 vợ chồng tôi có tiến hành xây dựng căn nhà tọa lạc tại 105 đường Dân Chủ, khu phố 2, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức (theo giấy phép xây dựng số 1558/GPXD ngày 04/8/2008 do UBND quận Thủ Đức cấp...)*"

[2.3] Bà Trần Thị D khai nhận, trước đây ông Q đã đồng ý xác lập căn nhà số 105 Dân Chủ làm tài sản chung của vợ chồng, bởi vì bà D và ông Q đã cùng ký tên vay, thế chấp căn nhà nói trên vào các khoản vay của gia đình vào năm 2005 và xóa đăng ký thế chấp ngày 14/6/2008. Vợ chồng ông Q cũng cùng đứng tên trên Hợp đồng cho thuê nhà số 105 Dân Chủ ký ngày 06/8/2018. Bà D

cho rằng căn nhà 01 trệt, 01 lầu như hiện nay hoàn toàn do công sức đóng góp của bà mà có.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyên của ông Q cũng thừa nhà khi nâng cấp xây dựng nhà năm 2008 thì bà D cũng có đóng góp một phần đối với tài sản này.

[2.5] Như vậy, có cơ sở xác định, căn nhà tại số 105 Dân Chủ, khu phố 2, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức (nay là Thành phố T) được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Q và bà D. Tài sản này khi tạo lập có công sức đóng góp của bà D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013 thì trong trường hợp ông Q xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đứng tên cá nhân ông Q trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cần phải có sự thỏa thuận của bà D.

[2.6] Do đó, Văn bản số 4537/UBND-TNMT ngày 17/10/2019 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức (nay là Thành phố T) và Văn bản số 2123/UBND-TNMT ngày 05/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T trả lời đơn của ông Q là có căn cứ.

[2.7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ và xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Q là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, bác toàn bộ kháng cáo của ông Trần Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn Q là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Q. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 2213/2022/HC-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q về việc:

2.1 Hủy văn bản số 4537/UBND-TNMT ngày 17/10/2019 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức (nay là Thành phố T).

2.2 Hủy văn bản số 2123/UBND-TNMT ngày 05/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T.

2.3 Tuyên bố hành vi hành chính không cấp đổi lại Giấy chứng nhận là trái pháp luật đồng thời buộc Ủy ban nhân dân Thành phố T thực hiện hành vi cấp đổi lại Giấy chứng nhận cho cá nhân ông Trần Văn Q.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Trần Văn Q được miễn.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.Hồ Chí Minh ; (1)
- VKSND TP.Hồ Chí Minh ; (1)
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh ; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (2)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- PPC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Ngọc Huynh